

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v Ly hôn giữa chị Th và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trung Giàu.
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Luật gia Lê Châu T – Hội viên Hội luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Trương Thị Thanh Th trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Từ khi sinh đứa con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về quan hệ xử sự, về cách nuôi dạy con. Ngoài ra, ông H còn thường xuyên nhậu say,

không lo lắng cho gia đình và nhiều lần có hành vi bạo hành bà đến mức độ Công an xã PH phải can thiệp giải quyết. Giữa vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn một năm. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: có Phạm Minh T, sinh ngày 20/02/1999 và Phạm Minh Tr, sinh ngày 18/10/2004, các con hiện đang sống chung với bà Th. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay. Các lời khai trước đây thì ông đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là không nghiêm trọng, có khả năng hàn gắn, nếu bà Th muốn ông đồng ý ly hôn thì phải giải quyết dứt điểm về tài sản với ông. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý để các con tiếp tục sống với mẹ, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông có làm đơn yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm nhà và một số thửa đất. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, không có điều kiện để nộp tiền tạm ứng án phí nên ông để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th; chấp nhận cho bà Th được quyền nuôi con chung là Phạm Minh Tr, sinh ngày 18/10/2004. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của người tham gia tố tụng là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

[1] Bà Trương Thị Thanh Th và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 1997 và đã được Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn số I/1997 vào ngày 01/4/1997 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông H cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với ông H vì bà cho rằng bất đồng quan điểm sống giữa ông bà là quá lớn, không thể dung hòa

được. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ngày 26/7/2017 ông H đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với bà Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp thì được biết hiện nay cuộc sống chung giữa bà Th và ông H không còn hạnh phúc, giữa hai người thường xuyên cãi vã, xô xát, ông H từng bị Công an xã PH ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi đánh bà Th. Ông H không còn sống tại nhà chung của vợ chồng cách nay đã hơn 01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về con chung: có Phạm Minh Tr, sinh ngày 18/10/2004, hiện nay đang sống chung với bà Th. Nguyện vọng của cháu Tr là muốn được tiếp tục sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà Th được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng Phạm Minh T, sinh ngày 20/02/1999, hiện nay đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2017 và ngày 08/5/2017 ông H có yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện số 78 /TB-TA ngày 08/5/2017 nhưng ông H không nộp đơn yêu cầu. Tòa án căn cứ vào giá trị tài sản trong biên bản hòa giải để phát hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 147/TB-TA ngày 19/6/2017, tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng ông H vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí. Tại biên bản làm việc ngày 04/7/2017 ông H khẳng định không có yêu cầu chia tài sản chung trong vụ kiện này. Tại phiên tòa ngày 26/7/2017, ông H yêu cầu Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để thực hiện thủ tục nộp đơn và đóng tạm ứng án phí để Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: số tiền 1.000.000.000 đồng tiền chuyển nhượng các thửa đất số 294, 295, 296, 297 tờ bản đồ số 40; thửa đất số 292, 293 tờ bản đồ số 40 tạm tính giá trị là 500.000.000 đồng; nhà và đất tại số 531A, ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre tạm tính giá trị là 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 244/TB-TA ngày 14/8/2017 thì ông H không thực hiện việc đóng tiền tạm ứng án phí nên xem như ông H từ bỏ quyền yêu cầu của ông. Tại phiên tòa, ông H khẳng định không còn yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do không có tiền để đóng tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về chia tài sản khi ly hôn trong vụ án này. Khi cần thiết, ông H được quyền khởi kiện thành vụ án chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; 56; 81, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Trương Thị Thanh Th và ông Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao Phạm Minh Tr, sinh ngày 18/10/2004 cho bà Trương Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng cháu Phạm Minh T, sinh ngày 20/02/1999, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trương Thị Thanh Th phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0000434 ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Bà Th phải nộp thêm 100.000 (Một trăm ngàn) đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã PH, TP BT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương